

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020

Tại khoản 2, Điều 37 và khoản 1, Điều 52 Luật Đất đai năm 2013, quy định: “Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm” và căn cứ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là “Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”.

Thực hiện quy định trên, UBND huyện Xuân Lộc đã tiến hành lập kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 28/12/2018.

Qua một năm triển khai thực hiện, Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý, sử dụng đất trên địa bàn cũng như phục vụ kịp thời mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của huyện nói riêng và của tỉnh Đồng Nai nói chung. Bên cạnh đó, kế hoạch sử dụng đất cũng còn một số tồn tại, bất cập nhất định như: chưa rà soát kỹ khả năng đáp ứng của các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực về vốn; chưa lường hết những khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện;... dẫn đến việc dự báo nhu cầu sử dụng đất trong năm 2019 chưa thật sát với khả năng thực hiện.

Thực hiện quy định tại khoản 2, Điều 37 và khoản 1, Điều 52 của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai, Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, UBND huyện Xuân Lộc tiến hành Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Xuân Lộc với các nội dung chính sau đây:

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2019 và xác định các nguyên nhân tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Đánh giá kết quả thực hiện các dự án phải thu hồi đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017, trong đó làm rõ các dự án chưa thực hiện hoặc đang thực hiện và chưa hoàn thành các thủ tục đất đai và đề xuất xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013;

- Xác định nhu cầu sử dụng đất trong năm 2020, đồng thời xác định: vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện các dự án, công trình theo quy định tại Điều 61, 62, 65 Luật Đất đai năm 2013; vị trí, diện tích các dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013; diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng phải xin phép theo quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 Luật đất đai năm 2013.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ về quản lý sử dụng đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước vào mục đích phi nông nghiệp;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;
- Quyết định số 4136/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND huyện Xuân Lộc phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Xuân Lộc.
- Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 19/8/2017 của Chính Phủ: Về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Đồng Nai.
- Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất; các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và các dự án điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định 4302/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020
- Quyết định số 4327/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Xuân Lộc;

2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện

- Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2016 - 2020) tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định số 4262/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 huyện Xuân Lộc;
- Quyết định số 4274/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND tỉnh Về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Xuân Lộc;

- Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Xuân Lộc;
- Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh Về việc Phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Xuân Lộc;
- Quyết định số 4817/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Xuân Lộc;
- Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của UBND tỉnh Về việc Phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Xuân Lộc;
- Quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Xuân Lộc;
- Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2018 và kế hoạch đầu tư công năm 2019;
- Nghị quyết số 145/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thống nhất điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Nghị quyết số 179/2019/NQ-HĐND ngày 29/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện dự án năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2019 của HĐND huyện Xuân Lộc về Mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh huyện Xuân Lộc năm 2020;
- Số liệu thống kê đất đai năm 2019 của các xã, thị trấn và của huyện Xuân Lộc;
- Các văn bản, chủ trương của UBND tỉnh về triển khai các dự án trên địa bàn huyện Xuân Lộc;
- Nhu cầu sử dụng đất của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đối với địa bàn huyện Xuân Lộc trong năm 2020;
- Và các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2019

1.1. Chỉ tiêu thực hiện đất nông nghiệp: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 57.146,48 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 57.828,12 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 58.936,77 ha, cao hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được

duyet là 1.790,29 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 1.108,65 ha, đạt tỷ lệ 103,13% so với chỉ tiêu quy hoạch và 101,92% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất trồng lúa: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 4.025,19 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 4.383,84 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 4.501,19 ha, cao hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 476,00 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 117,35 ha, đạt tỷ lệ 111,83% so với chỉ tiêu quy hoạch và 102,68% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 5.650,23 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 6.255,18 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 6.369,54 ha, cao hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 719,31 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 114,36 ha, đạt tỷ lệ 112,73% so với chỉ tiêu quy hoạch và 101,83% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây lâu năm: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 31.947,47 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 33.557,70 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 34.521,25 ha, cao hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 2.573,78 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 963,55 ha, đạt tỷ lệ 108,06 % so với chỉ tiêu quy hoạch và 102,87% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất rừng phòng hộ: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 7.309,12 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 7.297,08 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 7.315,80 ha, cao hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 6,68 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 18,72 ha, đạt tỷ lệ 100,09 % so với chỉ tiêu quy hoạch và 100,26% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất rừng sản xuất: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 3.892,91 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 4.218,54 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 4.218,53 ha, cao hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 325,62 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 0,01 ha, đạt tỷ lệ 108,36% so với chỉ tiêu quy hoạch và 100% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 488,86 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 478,21 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 478,21 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 10,65 ha, đạt tỷ lệ 97,82 % so với chỉ tiêu quy hoạch và 100% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất nông nghiệp khác: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 3.832,70 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 1.637,57 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 1.532,25 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 2.300,45 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 105,32 ha, đạt tỷ lệ 39,98% so với chỉ tiêu quy hoạch và 93,57% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

1.2. Chỉ tiêu thực hiện đất phi nông nghiệp: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 15.339,94 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 14.658,30 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 13.549,65 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch

được duyệt là 1.790,29 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 1.108,65 ha, đạt tỷ lệ 88,33% so với chỉ tiêu quy hoạch và 92,44% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất quốc phòng: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 6.500,21 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 6.427,26 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 6.398,26 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 101,95 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 29,00 ha, đạt tỷ lệ 98,43% so với chỉ tiêu quy hoạch và 99,55% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất an ninh: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 804,93 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 860,34 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 860,08 ha, cao hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 55,15 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 0,26 ha, đạt tỷ lệ 106,85% so với chỉ tiêu quy hoạch và 99,97% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất khu công nghiệp: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 308,70 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 108,38 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 108,38 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 200,32 ha, đạt tỷ lệ 35,11% so với chỉ tiêu quy hoạch và 100% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất cụm công nghiệp: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 63,15 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 16,40 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 16,40 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 46,75 ha, đạt tỷ lệ 25,97% so với chỉ tiêu quy hoạch và 100% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất thương mại dịch vụ: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 102,33 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 47,48 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 32,31 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 70,02 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 15,17 ha, đạt tỷ lệ 31,57% so với chỉ tiêu quy hoạch và 68,05% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 643,35 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 628,77 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 209,15 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 434,20 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 419,62 ha, đạt tỷ lệ 32,51% so với chỉ tiêu quy hoạch và 33,26% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất phát triển hạ tầng: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 2.542,53 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 2.364,61 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 2.357,31 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 185,22 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 7,30 ha, đạt tỷ lệ 92,72% so với chỉ tiêu quy hoạch và 99,69% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Trong đó:

+ Đất cơ sở văn hoá: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 22,19 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 14,83 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 15,41 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 6,78 ha, cao hơn so

với chỉ tiêu kế hoạch 0,58 ha, đạt tỷ lệ 69,45% so với chỉ tiêu quy hoạch và 103,91% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ Đất cơ sở y tế: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 10,87 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 4,95 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 4,87 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 6,00 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 0,08 ha, đạt tỷ lệ 44,80% so với chỉ tiêu quy hoạch và 98,38 % so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 105,63 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 85,28 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 83,62 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 22,01 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 1,66 ha, đạt tỷ lệ 79,16% so với chỉ tiêu quy hoạch và 98,05 % so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ Đất cơ sở thể dục - thể thao: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 39,78 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 12,87 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 14,06 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 25,72 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 1,19 ha, đạt tỷ lệ 35,34% so với chỉ tiêu quy hoạch và 109,25 % so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 72,72 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 23,06 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 22,66 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 50,06 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 0,40 ha, đạt tỷ lệ 31,16% so với chỉ tiêu quy hoạch và 98,27% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất ở tại nông thôn: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 1.980,71 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 2.026,98 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 1.678,94 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 301,77 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 348,04 ha, đạt tỷ lệ 84,76% so với chỉ tiêu quy hoạch và 82,83% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất ở tại đô thị: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 179,34 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 170,24 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 117,24 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 62,10 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 53,00 ha, đạt tỷ lệ 65,37% so với chỉ tiêu quy hoạch và 68,87% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất ở tại đô thị: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 179,34 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 170,24 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 117,24 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 62,10 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 53,00 ha, đạt tỷ lệ 65,37% so với chỉ tiêu quy hoạch và 68,87% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 20,72 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 18,44 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 11,97 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 8,75

ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 6,47 ha, đạt tỷ lệ 57,77 % so với chỉ tiêu quy hoạch và 64,91% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 3,81 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 2,95 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 2,90 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 0,91 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 0,05 ha, đạt tỷ lệ 76,12% so với chỉ tiêu quy hoạch và 98,31% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất cơ sở tôn giáo: quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 111,87 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 89,58 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 78,39 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 33,48 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 11,19 ha, đạt tỷ lệ 70,07% so với chỉ tiêu quy hoạch và 87,51% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 149,62 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 94,77 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 96,11 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 53,51 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 1,34 ha, đạt tỷ lệ 64,24% so với chỉ tiêu quy hoạch và 101,41% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 184,76 ha, kế hoạch được duyệt năm 2019 là 130,65 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 130,15 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 54,61 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 0,50 ha, đạt tỷ lệ 70,44% so với chỉ tiêu quy hoạch và 99,62% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Kế hoạch được duyệt năm 2019 là 12,14 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 12,14 ha, đạt tỷ lệ 100% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Kế hoạch được duyệt năm 2019 là 0,66 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 0,66 ha, đạt tỷ lệ 100% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Kế hoạch được duyệt năm 2019 là 3,42 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 3,42 ha, đạt tỷ lệ 100% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: kế hoạch được duyệt năm 2019 là 860,95 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 871,96 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 11,01 ha đạt tỷ lệ 101,28% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Kế hoạch được duyệt năm 2019 là 771,22 ha, thực hiện đến ngày 31/12/2019 là 541,22 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch 230,00 ha đạt tỷ lệ 70,18% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

Bảng 01: Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2019

| Thứ tự | Chỉ tiêu | Diện tích Quy hoạch được duyệt | Diện tích Kế hoạch được duyệt năm 2019 | Kết quả thực hiện | | | | |
|----------|--|--------------------------------|--|-------------------|--------------------|---------------|--------------------|---------------|
| | | | | Diện tích (ha) | So sánh | | | |
| | | | | | Quy hoạch | | Kế hoạch | |
| | | | | | Tăng (+), giảm (-) | Tỷ lệ (%) | Tăng (+), giảm (-) | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Đất nông nghiệp | 57.146,48 | 57.828,12 | 58.936,77 | 1.790,29 | 103,13 | 1.108,65 | 101,92 |
| 1.1 | Đất trồng lúa | 4.025,19 | 4.383,84 | 4.501,19 | -476,00 | 111,83 | -117,35 | 102,68 |
| | <i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i> | 2.393,58 | 2.584,95 | 2.618,39 | -224,81 | 109,39 | -33,44 | 101,29 |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | 5.650,23 | 6.255,18 | 6.369,54 | -719,31 | 112,73 | -114,36 | 101,83 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | 31.947,47 | 33.557,70 | 34.521,25 | 2.573,78 | 108,06 | -963,55 | 102,87 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | 7.309,12 | 7.297,08 | 7.315,80 | -6,68 | 100,09 | -18,72 | 100,26 |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | 3.892,91 | 4.218,54 | 4.218,53 | -325,62 | 108,36 | 0,01 | 100,00 |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thủy sản | 488,86 | 478,21 | 478,21 | 10,65 | 97,82 | 0,00 | 100,00 |
| 1.8 | Đất nông nghiệp khác | 3.832,70 | 1.637,57 | 1.532,25 | 2.300,45 | 39,98 | 105,32 | 93,57 |
| 2 | Đất phi nông nghiệp | 15.339,94 | 14.658,30 | 13.549,65 | 1.790,29 | 88,33 | 1.108,65 | 92,44 |
| 2.1 | Đất quốc phòng | 6.500,21 | 6.427,26 | 6.398,26 | 101,95 | 98,43 | 29,00 | 99,55 |
| 2.2 | Đất an ninh | 804,93 | 860,34 | 860,08 | -55,15 | 106,85 | 0,26 | 99,97 |
| 2.3 | Đất khu công nghiệp | 308,70 | 108,38 | 108,38 | 200,32 | 35,11 | 0,00 | 100,00 |
| 2.4 | Đất cụm công nghiệp | 63,15 | 16,40 | 16,40 | 46,75 | 25,97 | 0,00 | 100,00 |
| 2.5 | Đất thương mại, dịch vụ | 102,33 | 47,48 | 32,31 | 70,02 | 31,57 | 15,17 | 68,05 |
| 2.6 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | 643,35 | 628,77 | 209,15 | 434,20 | 32,51 | 419,62 | 33,26 |
| 2.7 | Đất phát triển hạ tầng | 2.542,53 | 2.364,61 | 2.357,31 | 185,22 | 92,72 | 7,30 | 99,69 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | | | | |
| | - Đất cơ sở văn hoá | 22,19 | 14,83 | 15,41 | 6,78 | 69,45 | -0,58 | 103,91 |
| | - Đất cơ sở y tế | 10,87 | 4,95 | 4,87 | 6,00 | 44,80 | 0,08 | 98,38 |
| | - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo | 105,63 | 85,28 | 83,62 | 22,01 | 79,16 | 1,66 | 98,05 |
| | - Đất cơ sở thể dục - thể thao | 39,78 | 12,87 | 14,06 | 25,72 | 35,34 | -1,19 | 109,25 |
| 2.8 | Đất có di tích lịch sử - văn hóa | 39,00 | - | - | 39,00 | - | - | - |
| 2.9 | Đất bãi thải, xử lý chất thải | 72,72 | 23,06 | 22,66 | 50,06 | 31,16 | 0,40 | 98,27 |
| 2.10 | Đất ở tại nông thôn | 1.980,71 | 2.026,98 | 1.678,94 | 301,77 | 84,76 | 348,04 | 82,83 |
| 2.11 | Đất ở tại đô thị | 179,34 | 170,24 | 117,24 | 62,10 | 65,37 | 53,00 | 68,87 |

| | | | | | | | | |
|------|--|--------|--------|--------|---------|-------|--------|--------|
| 2.12 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | 20,72 | 18,44 | 11,97 | 8,75 | 57,77 | 6,47 | 64,91 |
| 2.13 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | 3,81 | 2,95 | 2,90 | 0,91 | 76,12 | 0,05 | 98,31 |
| 2.14 | Đất cơ sở tôn giáo | 111,87 | 89,58 | 78,39 | 33,48 | 70,07 | 11,19 | 87,51 |
| 2.15 | Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa | 149,62 | 94,77 | 96,11 | 53,51 | 64,24 | -1,34 | 101,41 |
| 2.16 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | 184,76 | 130,65 | 130,15 | 54,61 | 70,44 | 0,50 | 99,62 |
| 2.17 | Đất sinh hoạt cộng đồng | - | 12,14 | 12,14 | -12,14 | | - | 100,00 |
| 2.18 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | - | 0,66 | 0,66 | -0,66 | | - | 100,00 |
| 2.19 | Đất cơ sở tín ngưỡng | - | 3,42 | 3,42 | -3,42 | | - | 100,00 |
| 2.20 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | - | 860,95 | 871,96 | -871,96 | | -11,01 | 101,28 |
| 2.21 | Đất có mặt nước chuyên dùng | - | 771,22 | 541,22 | -541,22 | | 230,00 | 70,18 |

2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2019

Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Xuân Lộc được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 tổng số 149 dự án/2.264,05 ha.

Thực tế, để hoàn thành tất cả các công đoạn liên quan đến thủ tục về đất đai khi thực hiện dự án như: lập hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư; lập bản vẽ, trích lục hồ sơ khu đất; lập hồ sơ thu hồi đất; đo đạc kiểm đếm, xây dựng phương án bồi thường; triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất,... cần phải có thời gian khá dài, nhất là đối với những dự án có diện tích lớn.

Vì vậy, việc tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2019 sẽ căn cứ vào tổng số lượng, diện tích các dự án đã thực hiện và đang triển khai thực hiện các thủ tục đất đai là phù hợp với thực tiễn.

Bảng 02: Tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2019

| STT | Chỉ tiêu sử dụng đất | Kế hoạch được duyệt | | Đã và đang thực hiện | | Đạt tỷ lệ (%) | |
|-----|-------------------------|---------------------|----------------|----------------------|----------------|----------------|----------------------|
| | | Số dự án | Diện tích (ha) | Số dự án | Diện tích (ha) | Số lượng dự án | Diện tích được duyệt |
| 1 | Đất trồng cây lâu năm | 2 | 4,17 | - | - | - | - |
| 2 | Đất nuôi trồng thủy sản | 2 | 3,44 | - | - | - | - |
| 3 | Đất nông nghiệp khác | 4 | 667,27 | 2 | 645,44 | 50,00 | 96,73 |

| STT | Chỉ tiêu sử dụng đất | Kế hoạch được duyệt | | Đã và đang thực hiện | | Đạt tỷ lệ (%) | |
|-----|---|---------------------|----------------|----------------------|----------------|----------------|----------------------|
| | | Số dự án | Diện tích (ha) | Số dự án | Diện tích (ha) | Số lượng dự án | Diện tích được duyệt |
| 4 | Đất quốc phòng | 1 | 29,00 | - | - | - | - |
| 5 | Đất an ninh | 3 | 2,38 | 1 | 1,08 | 33,33 | 45,38 |
| 6 | Đất cụm công nghiệp | 1 | 16,40 | 1 | 16,40 | 100,00 | 100,00 |
| 7 | Đất thương mại, dịch vụ | 5 | 10,74 | - | - | - | - |
| 8 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | 16 | 428,01 | 1 | 0,58 | 6,25 | 0,14 |
| 9 | Đất phát triển hạ tầng | 53 | 417,08 | 34 | 375,00 | 64,15 | 89,91 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | - | - | | |
| | - Đất xây dựng cơ sở văn hoá | 3 | 2,28 | 2 | 2,20 | 66,67 | 96,49 |
| | - Đất cơ sở y tế | 1 | 0,08 | - | - | - | - |
| | - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo | 14 | 7,64 | 9 | 2,90 | 64,29 | 37,96 |
| | - Đất cơ sở thể dục - thể thao | 5 | 2,19 | - | - | - | - |
| | - Đất cơ sở khoa học và công nghệ | 2 | 0,16 | 2 | 0,16 | 100,00 | 100,00 |
| | - Đất cơ sở dịch vụ xã hội | 2 | 18,38 | 1 | 18,00 | 50,00 | 97,93 |
| | - Đất giao thông | 14 | 364,32 | 12 | 332,20 | 85,71 | 91,18 |
| | - Đất thủy lợi | 5 | 14,90 | 3 | 12,76 | 60,00 | 85,64 |
| | - Đất công trình năng lượng | 4 | 6,14 | 4 | 6,14 | 100,00 | 100,00 |
| | - Đất chợ | 3 | 0,99 | 1 | 0,64 | 33,33 | 64,65 |
| 10 | Đất bãi thải, xử lý chất thải | 2 | 2,28 | 1 | 1,88 | 50,00 | 82,46 |
| 11 | Đất ở tại nông thôn | 12 | 332,03 | 1 | 0,06 | 8,33 | 0,02 |
| 12 | Đất ở tại đô thị | 1 | 58,00 | - | - | - | - |
| 13 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | 3 | 7,30 | 2 | 0,80 | 66,67 | 10,96 |
| 14 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | 3 | 1,27 | 2 | 1,22 | 66,67 | 96,06 |
| 15 | Đất cơ sở tôn giáo | 38 | 29,31 | 2 | 1,45 | 5,26 | 4,95 |
| 16 | Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa | 1 | 14,78 | 1 | 14,78 | 100,00 | 100,00 |
| 17 | Đất sản xuất vật liệu | 1 | 10,59 | 1 | 10,59 | 100,00 | 100,00 |

| STT | Chỉ tiêu sử dụng đất | Kế hoạch được duyệt | | Đã và đang thực hiện | | Đạt tỷ lệ (%) | |
|-----|-----------------------------|---------------------|-----------------|----------------------|-----------------|----------------|----------------------|
| | | Số dự án | Diện tích (ha) | Số dự án | Diện tích (ha) | Số lượng dự án | Diện tích được duyệt |
| | xây dựng, làm đồ gốm | | | | | | |
| 18 | Đất có mặt nước chuyên dùng | 1 | 230,00 | - | - | - | - |
| | TỔNG | 149 | 2.264,05 | 49 | 1.069,28 | 32,89 | 47,23 |

(Chi tiết các dự án đã đang thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của các xã, thị trấn thuộc huyện đính kèm phụ lục Biểu 01/CH)

Trong tổng số 149 dự án /2.264,05 ha đã được phê duyệt trong năm 2019, có 49 dự án đã và đang được triển khai thực hiện tổng diện 1.069,28 ha, cụ thể:

- Đã thực hiện và hoàn thành các thủ tục về đất đai (sau đây gọi tắt là đã thực hiện): 12 dự án/57,29 ha.

- Đang triển khai thực hiện các thủ tục đất đai (sau đây gọi tắt là đang thực hiện): 37 dự án/1.011,99 ha, trong đó:

+ Đã có Quyết định thu hồi đất: 14 dự án/658,42 ha;

+ Đã có Thông báo thu hồi đất: 10 dự án/22,92 ha;

+ Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư: 13 dự án/330,65 ha.

- Chưa triển khai thực hiện: 53 dự án/281,90 ha.

*** Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Xuân Lộc cụ thể như sau:**

- **Đất nông nghiệp khác:** Đã và đang thực hiện 02/04 dự án/ 645,44 ha, đạt 50,00% về số lượng và 96,73% về diện tích kế hoạch được duyệt, trong đó:

+ Đã thực hiện 01 dự án/0,30 ha là trang trại gà đẻ - Công ty TNHH TMDV SX và chăn nuôi Thanh Đức.

+ Đang thực hiện 01 dự án/645,14 ha là Khu liên hợp công nông nghiệp Dofico.

+ Còn 02 dự án chưa thực hiện, trong đó đề nghị hủy 01 dự án chuyển mục đích của Công ty CP chăn nuôi Phú Sơn tại Xuân Phú, Xuân Thọ 20,3 ha do đã đưa vào quá 03 năm nhưng chưa thực hiện.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** kế hoạch được duyệt có 02 dự án/3,44 ha chuyển mục đích. Tuy nhiên đến nay chưa lập thủ tục chuyển mục đích, do vậy đề xuất hủy kế hoạch.

- **Đất quốc phòng:** kế hoạch được duyệt có 01 dự án chuyển tiếp từ kế hoạch 2015 sang: Thao trường huấn luyện và trường bắn cho lực lượng vũ trang 29 ha. Tuy nhiên đến nay chưa triển khai thực hiện. Do vậy đề xuất hủy.

- **Đất an ninh:** Đang thực hiện 01/03 dự án 1,08 ha, đạt tỷ lệ 33,33% về số lượng và 45,38% về diện tích kế hoạch được duyệt là dự án Trụ sở làm việc Đội

Cảnh sát PCCC huyện Xuân Lộc đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại văn bản số Văn bản số 7539/UBND-CNN ngày 24/8/2016 của UBND tỉnh.

Đồng thời đề nghị hủy 02 dự án là Công an thị trấn Gia Ray 0,2 ha và Đồn Công an Khu vực trọng điểm 3 xã Xuân Hòa, Xuân Hưng, Xuân Tâm 1,1 ha do chưa bố trí được kinh phí để thực hiện.

- **Đất cụm công nghiệp:** Đang thực hiện dự án Cụm Công nghiệp Xuân Hưng diện tích 16,40 ha, đạt 100% kế hoạch được duyệt. Dự án đã có thông báo thu hồi đất tại Thông báo số 436/TB-UBND ngày 11/9/2019 của UBND huyện.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** Kế hoạch được duyệt có 05 dự án/10,74 ha. Các dự án này chưa thực hiện, trong đó đề xuất hủy 01 dự án: Trạm xăng dầu Duy Quân 0,14 ha tại Xuân Bắc.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Đã thực hiện 01/16 dự án với diện tích 0,58 ha là Điểm giết mổ tập trung Xuân Thọ (ấp Thọ Bình), đạt 6,25% về số lượng và 0,14% về diện tích kế hoạch được duyệt; còn 15/16 dự án chưa thực hiện, trong đó đề xuất hủy 13 dự án/426,55 ha do chưa bố trí được vốn hoặc không còn nhu cầu.

- **Đất phát triển hạ tầng:** Đã và đang thực hiện 34/53 dự án với tổng diện tích 375,00 ha, đạt tỷ lệ 64,15% về số lượng và 89,91% về diện tích kế hoạch được duyệt. Cụ thể:

* **Đất cơ sở văn hóa:** Đang thực hiện 02/03 dự án với diện tích 2,02 ha, đạt 66,67% về số lượng và 96,49% về diện tích kế hoạch được duyệt, bao gồm: Đền thờ Liệt sỹ 2,13 ha tại thị trấn Gia Ray và Nhà Văn hóa Stiêng Xuân Hòa 0,07 ha tại xã Xuân Hòa. Dự án còn lại (Nhà Văn hóa Chợ ro xã Xuân Thọ) đang lập các thủ tục để thu hồi đất.

* **Đất cơ sở giáo dục - đào tạo:** Đang thực hiện 9/14 dự án với tổng diện tích 2,09 ha, đạt tỷ lệ 64,29% về số lượng và 37,96% về diện tích kế hoạch được duyệt; chưa thực hiện 05 dự án/4,74 ha, trong đó đề xuất hủy 04 dự án/3,54 ha do chưa bố trí được vốn đầu tư hoặc không còn nhu cầu thực hiện, gồm: Trường MN (phân hiệu Tân Hữu) tại Xuân Thành 0,33 ha; Trường THCS Lê Lợi (mở rộng) tại Xuân Trường 0,98 ha; Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu tại Xuân Tâm 1,58 ha; Trường THCS Ngô Sĩ Liên tại Xuân Thành 0,65 ha.

* **Đất cơ sở khoa học và công nghệ:** Đang thực hiện 02/02 dự án/0,16 ha, đạt 100% kế hoạch được duyệt, gồm:

- Giếng khoan nghiên cứu địa chất thủy văn trên địa bàn các xã Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Hiệp, Xuân Trường, Xuân Thành, Xuân Phú, Xuân Bắc và xã Suối Cao đã có thông báo thu hồi đất;

- Giếng khoan quan trắc nhiễm bẩn trên địa bàn xã Xuân Hiệp và Xuân Tâm. Đã có thông báo thu hồi đất số 257/TB-UBND ngày 12/06/2017, đang xác định giá đất để bồi thường.

* **Đất cơ sở dịch vụ xã hội:** Đang thực hiện 01/02 dự án/18,00 ha là Cơ sở điều trị ma túy tinh Đồng Nai tại Suối Cao, đạt tỷ lệ 50,00% về số lượng và 97,93% về diện tích kế hoạch được duyệt.

* **Đất giao thông:** Đã và đang thực hiện 12/14 dự án/332,20 ha, đạt tỷ lệ 85,71% về số lượng và 91,18% về diện tích kế hoạch được duyệt, trong đó:

- Đã thực hiện 03 dự án/25,72 ha, gồm: Đường từ Cầu tập đoàn 7 vào cánh đồng lúa 0,08 ha; Đường Xuân Hiệp - Lang Minh (mở rộng từ Quốc lộ 1 đến giáp xã Lang Minh) 0,04 ha; Đường Xuân Thành - Trảng Táo 25,60 ha.

- Đang thực hiện 9 dự án/306,48 ha, gồm:

+ Cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết đã được phê duyệt phương án thi công; Đường Bảo Hòa - Long Khánh đã được phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 912/QĐ-UBND ngày 24/03/2017 của UBND tỉnh; Đường giao thông vào khu vực ấp Bằng Lăng xã Xuân Tâm; Nâng cấp đường ĐT.763 đoạn Km0+000 đến Km29+500 đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư;

+ Mở rộng đường Nguyễn Thị Minh Khai; Mở rộng nút giao thông giữa đường Hùng Vương và Quốc lộ 1A; Tỉnh lộ 765 (giai đoạn 2); Đường Nguyễn Thị Minh Khai (mở rộng) đã có quyết định thu hồi đất.

+ Nút giao thông giữa đường ĐT.765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát) đã có thông báo thu hồi đất theo Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 28/5/2019 của UBND huyện.

- Chưa thực hiện và đề xuất hủy 02 dự án với diện tích 32,12 ha, gồm: Đường Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc (HL10), Đường Xuân Bắc - Bảo Quang (mở mới). Các dự án này đều đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm.

* **Đất thủy lợi:** Đang thực hiện 03/05 dự án với diện tích 12,76 ha, đạt 60,00% về số lượng và 85,64% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Hệ thống kênh mương Hồ Gia Măng tại xã Xuân Tâm 0,95 ha; Tuyến kênh cấp 2 nội đồng Hồ Gia Măng 11,50 ha; Hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Bắc 0,31 ha; chưa thực hiện và đề xuất hủy 02 dự án/2,14 ha là Hệ thống cấp nước tập trung TT.Gia Ray (mở rộng) và đầu nối đường ống (cấp cho xã Xuân Hiệp - Suối Cát) 0,54 ha và Hệ thống mương thoát nước tại Xuân Tâm 1,6 ha. Các dự án này đều quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện.

* **Đất công trình năng lượng:** Đã và đang thực hiện 04/04 dự án với diện tích 6,14 ha, đạt tỷ lệ 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt, trong đó:

- Đã thực hiện 01 dự án/2,37 ha là Đường dây 500 kV (Vĩnh Tân - rẽ Sông Mây - Tân Uyên.

- Đang thực hiện 03 dự án/3,77 ha, gồm: Trạm 110 kV Xuân Đông và đường dây đầu nối; Trạm biến áp 110kV Xuân Tâm và đầu nối; Đường dây 110kV Cẩm Mỹ - Xuân Lộc và Trạm 110Kv Cẩm Mỹ.

* **Đất chợ:** Đang thực hiện 01/03 dự án với diện tích 0,64 ha (Chợ Lang Minh), đạt tỷ lệ 33,33% về số lượng và 64,65% về diện tích kế hoạch được duyệt, dự án này đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục về đất đai; chưa thực hiện và đề xuất hủy 02 dự án/0,35 ha là Chợ Thọ Lộc tại Xuân Thọ 0,2 ha và đất cho thuê tại chợ Bình Hòa xã Xuân Phú 0,15 ha. 02 dự án này đều đã đưa vào kế hoạch quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện.

- **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** Đang thực hiện dự án Khu xử lý chất thải - Công ty TNHH Cù Lao Xanh 1,88 ha tại xã Xuân Tâm, đạt tỷ lệ 50% về số lượng và 82,46% về diện tích kế hoạch được duyệt;

- **Đất ở tại nông thôn:** Đang thực hiện 1/12 dự án với diện tích 0,06 ha, đạt tỷ lệ 8,33% về số lượng và 0,02% về diện tích kế hoạch được duyệt là Giao đất ở cho 03 hộ gia đình ông Nguyễn Thanh Hòa, Võ Tấn Khuê, Võ Tấn Tài phục vụ bố trí đường dây điện 500KV tại xã Xuân Thành, đã có chủ trương đầu tư tại Văn bản số 2674/UBND-NC của UBND huyện Xuân Lộc ngày 28/07/2017: V/v giao đất cho hộ gia đình chính sách; chưa thực hiện 11 dự án/331,97 ha, trong đó đề xuất hủy 05 dự án/327,10 ha.

- **Đất ở đô thị:** kế hoạch được duyệt có 01 dự án là Khu dân cư 2 bên đường Lê Duẩn - Nguyễn Văn Cừ 58 ha, tuy nhiên đến nay chưa thực hiện và đề xuất hủy.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Đã thực hiện 02/03 dự án với diện tích 0,8 ha, đạt tỷ lệ 66,67% về số lượng và 10,96% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm:

+ Đã thực hiện 01 dự án/0,4 ha là Trụ sở UBND xã Suối Cát (mở rộng),

+ Đang thực hiện 01 dự án/0,4 ha là Trụ sở Chi cục Thuế tại thị trấn Gia Ray,

- Chưa thực hiện 01 dự án/6,5 ha là Trung tâm hành chính ấp Bằng Lãng (gồm Trường học, trụ sở ấp, sân bóng, chợ).

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** Đang thực hiện 02/03 dự án/1,22 ha, đạt tỷ lệ 66,67% về số lượng và 96,06% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm:

+ Đã thực hiện 01 dự án /1,10 ha là Trụ sở Ban quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc,

+ Đang thực hiện 01 dự án /0,12 ha là Văn phòng ban quản lý Di tích danh thắng núi Chứa chan tại xã Xuân Trường.

- **Đất cơ sở tôn giáo:** Đã thực hiện 2/38 công trình, cơ sở tôn giáo diện tích 1,45 ha, đạt tỷ lệ 5,26% về số lượng và 4,95% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Dòng Đức bà Truyền giáo Xuân Lộc 1,15 ha thuộc thị trấn Gia Ray và chùa Liên Trì 0,3ha thuộc xã Suối Cao; chưa thực hiện 36 dự án/27,86 ha, trong đó đề xuất hủy 09/7,53 ha.

- **Đất nghĩa trang, nghĩa địa:** Đã thực hiện dự án Nghĩa trang huyện Xuân Lộc tại xã Xuân Tâm diện tích 14,78 ha, đạt 100% kế hoạch được duyệt.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** Đã thực hiện dự án tại Xuân Tâm, đạt 100% kế hoạch được duyệt.

3. Kết quả thực hiện các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, 2016, 2017

Tổng số dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, 2016, 2017 được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định số 4262/QĐ-UBND ngày 31/12/2014; 2375/QĐ-UBND ngày 13/8/2015; 4274/QĐ-UBND ngày 30/12/2015; 2593/QĐ-UBND ngày 15/8/2016; 4667/QĐ-UBND ngày 30/12/2016; 3006/QĐ-UBND ngày 28/08/2017 là 229 dự án/3.360,99, trong đó đã trình UBND tỉnh hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất 43 dự án/149,98 ha tại quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 và quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 28/12/2019. Như vậy tổng dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, 2016, 2017 còn lại 186 dự án/3.211,01 ha, kết quả thực hiện như sau:

- Có 134 dự án/824,07 ha đã thực hiện và hoàn thành các thủ tục về đất đai, trong đó:

- Có 18 dự án/1.379,77 ha đang triển khai thực hiện nhưng chưa hoàn thành các thủ tục về đất đai.

- Chưa triển khai thực hiện: 34 dự án/1.007,17 ha (trong đó, chưa thực hiện và đề xuất hủy bỏ 30 dự án/997,10ha.)

Cụ thể:

- **Đất trồng cây lâu năm:** đã hoàn thành giao đất nông nghiệp cho hộ chính sách, hộ nghèo tại Xuân Phú với diện tích 0,5 ha;

- **Đất nông nghiệp khác:** có 30 dự án/1.283,19 ha. Trong đó:

+ Đã thực hiện và hoàn thành các thủ tục về đất đai: 28 dự án/199,19 ha;

+ Đang thực hiện 1 dự án/1.063,70 ha, là Khu liên hợp công nông nghiệp Dofico.

+ Chưa thực hiện và đề xuất hủy 01 dự án/20,30 ha là Công ty Cổ phần chăn nuôi Phú Sơn tại các xã Xuân Phú, Xuân Thọ.

- **Đất quốc phòng:** 02 dự án/36 ha, trong đó:

+ Đã thực hiện và hoàn thành các thủ tục về đất đai: 01 dự án/7 ha là Nhà công vụ Quân đoàn 4;

+ Chưa thực hiện và đề xuất hủy 01 dự án/29,00 ha là Thao trường huấn luyện và trường bắn cho lực lượng vũ trang tại Xuân Tâm và thị trấn Gia Ray.

- **Đất an ninh:** có 01 dự án chưa thực hiện và đề xuất hủy với diện tích 0,20 ha là Công an thị trấn Gia Ray.

- **Đất cụm công nghiệp:** Đang thực hiện dự án Cụm Công nghiệp Xuân Hưng.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** 14 dự án/21,10 ha

+ Đã thực hiện và hoàn thành các thủ tục về đất đai: 13 dự án/14,80 ha;

+ Chưa thực hiện 01 dự án/6,3 ha là 02 khu đất đấu giá tại Xuân Tâm.

tại xã Xuân Tâm.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** 21 dự án/760,30 ha, trong đó:

+ Đã thực hiện và hoàn thành các thủ tục về đất đai: 14 dự án/81,20 ha;

+ Chưa thực hiện và đề xuất hủy 07 dự án/679,10 ha.

- **Đất phát triển hạ tầng:** 82 dự án/482,51 ha. Trong đó:

* **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** đã thực hiện 06 dự án/2,04 ha.

* **Đất xây dựng cơ sở y tế:** đã thực hiện 04 dự án/0,71 ha.

* **Đất cơ sở giáo dục và đào tạo:** có 22 dự án/12,44 ha, trong đó:

+ Đã thực hiện và hoàn thành các thủ tục về đất đai: 15 dự án/10,41 ha;

+ Đang thực hiện 5 dự án/0,68 ha;

+ Chưa thực hiện và đề xuất hủy 02 dự án/1,35 ha là Trường MN (phân hiệu Tân Hữu) xã Xuân Thành; Trường THCS Lê Lợi (mở rộng) xã Xuân Trường.

* **Đất cơ sở thể dục - thể thao:** có 02 dự án chưa thực hiện và đề xuất hủy với diện tích 1,36 ha gồm: Sân bóng đá và hồ bơi tại Nhà văn hóa 0,65 ha tại xã Xuân Tâm và Sân bóng Xuân Thọ 0,71 ha tại xã Xuân Thọ

* **Đất cơ sở khoa học và công nghệ:** Đang thực hiện 02 dự án/0,16 ha. Gồm: Giếng khoan quan trắc (TD1, TD3, TD4, TD7, TD8, TD9, TD13, TD14, TD21, TD22, TD23, TD28) 0,12 ha và Giếng khoan quan trắc (NB-19AB; NB-22AB) 0,04 ha tại xã Xuân Hiệp, Xuân Tâm.

* **Đất giao thông:** Gồm 20 dự án/403,47 ha. Trong đó:

+ Đã thực hiện và hoàn thành các thủ tục về đất đai: 14 dự án/121,85 ha;

+ Đang thực hiện 4 dự án/249,50 ha;

+ Chưa thực hiện và đề xuất hủy 02 dự án 32,12 ha là: Đường Xuân Bắc - Bảo Quang (mở mới) và Đường Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc (HL10).

* **Đất thủy lợi:** Gồm 08 dự án/20,29 ha. Trong đó:

+ Đã thực hiện và hoàn thành các thủ tục về đất đai: 5 dự án/17,20 ha;

+ Đang thực hiện, đã có Quyết định thu hồi đất 1 dự án/0,95 ha là Hệ thống kênh mương Hồ Gia Măng;

+ Chưa thực hiện và đề xuất hủy 02 dự án 2,14 ha là: Hệ thống cấp nước tập trung TT.Gia Ray mở rộng và đấu nối đường ống (cấp cho xã Xuân Hiệp - Suối Cát); Hệ thống mương thoát nước xã Xuân Tâm.

* **Đất công trình năng lượng:** Gồm 07 dự án/37,86 ha. Trong đó:

+ Đã thực hiện và hoàn thành các thủ tục về đất đai: 5 dự án/37,27 ha;
+ Đang thực hiện 02 dự án/0,59 ha: Đường dây 110kV Cẩm Mỹ - Xuân Lộc và Trạm 110Kv Cẩm Mỹ; Trạm 110 kV Xuân Đông và đường dây đầu nối.

* **Đất chợ:** Gồm 11 dự án/4,19 ha. Trong đó:

+ Đã thực hiện và hoàn thành các thủ tục về đất đai: 7 dự án/ 2,9 ha;
+ Đang thực hiện 01 dự án/0,64 ha là chợ Lang Minh
+ Chưa thực hiện và đề xuất hủy 03 dự án 0,65 ha là: Chợ Bảo Hoà; chợ Thọ Lộc, chợ Bình Hòa.

- **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** có 02 dự án đã thực hiện và hoàn thành các thủ tục về đất đai là Bãi rác của huyện và Khu xử lý chất thải không nguy hại tại Xuân Tâm.

- **Đất ở tại nông thôn:** Gồm 6 dự án/225,34 ha. Trong đó:

+ Đã thực hiện và hoàn thành các thủ tục về đất đai: 4 dự án/ 1,0 ha;
+ Chưa thực hiện và đề xuất hủy 02 dự án /224,34 ha là: Khu dân cư (ấp Trảng Táo) và Khu Tái Định cư Xuân Bắc

- **Đất ở tại đô thị:** có 01 dự án đã thực hiện và hoàn thành các thủ tục về đất đai với diện tích 0,02 ha là giao đất ở tại khu tái định cư.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Gồm 2 dự án/0,6 ha, trong đó:

+ Đã thực hiện và hoàn thành các thủ tục về đất đai: 01 dự án/ 0,2 ha là Trụ sở Liên đoàn lao động Huyện .

+ Đang thực hiện 01 dự án/0,4 ha 01 là: Trụ sở Chi cục Thuế.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** Đã thực hiện 1 dự án Trụ sở ban quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc 1,34 ha

- **Đất cơ sở tôn giáo:** Gồm 16 dự án/16,19 ha. Trong đó:

+ Đã thực hiện và hoàn thành các thủ tục về đất đai: 6 dự án/ 5,88 ha;
+ Chưa thực hiện 10 dự án/ 10,31 ha, trong đó đề xuất hủy 07 dự án/6,54 ha.

- **Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa:** có 01 dự án đã hoàn thành các thủ tục về đất đai với diện tích 14,78 ha là Nghĩa trang huyện Xuân Lộc.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** có 01 dự án đã hoàn thành các thủ tục về đất đai với diện tích 19,86 ha.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** Đã thực hiện và hoàn thành các thủ tục về đất đai 03 dự án/0,25 ha.

- **Đất mặt nước chuyên dùng:** Đã thực hiện và hoàn thành các thủ tục về đất đai: 1 dự án/ 197 ha là Hồ Gia Măng.

(Chi tiết Kết quả thực hiện các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, 2016, 2017 có Biểu 05/CH kèm theo)

4. Đánh giá chung

Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện được phê duyệt làm cơ sở quan trọng để huyện Xuân Lộc kịp thời triển khai thực hiện các công trình, dự án trọng điểm như dự án Nút giao thông giữa đường Hùng Vương với Quốc Lộ 1A (đoạn trước ngã 3 Bru điện), Khu liên hợp công nông nghiệp Dofico, Cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết, đường dây 500kV Vĩnh Tân - Sông Mây rẽ Tân Uyên, mở rộng các trường học, xây mới các tuyến đường như đường Xuân Hiệp - Lang Minh, đường Nguyễn Thị Minh Khai, đường giao thông vào khu vực ấp Bằng Lãng xã Xuân Tâm,... góp phần hoàn thành mục tiêu, phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn huyện.

Trong quá trình thực hiện, mặc dù ngay sau khi UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất của huyện, UBND huyện đã khẩn trương công bố công khai, ban hành nhiều văn bản đôn đốc các chủ đầu tư triển khai thực hiện nhưng quá trình thực hiện còn vướng mắc, khó khăn, dẫn đến tiến độ thực hiện của một số dự án còn chậm.

**** Đối với kế hoạch sử dụng đất năm 2019:***

Trong tổng số 149 dự án/2.264,05 ha đưa vào kế hoạch sử dụng đất 2019 nhưng hiện nay đã và đang thực hiện chỉ có 49 dự án/1.069,28 ha, đạt 32,21% về số lượng và 47,23% về diện tích.

Trong số 49 dự án đã và đang thực hiện thì có đến 37 dự án/ 1.011,99 ha chưa hoàn thành các thủ tục đất đai chiếm 75,51% về số lượng và 94,64% về diện tích các dự án đã và đang thực hiện, chủ yếu do một số nguyên nhân sau:

- Một số dự án dạng tuyến trải dài qua địa bàn huyện như: Cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết, nâng cấp đường 763, ... triển khai thực hiện gặp nhiều khó khăn, vướng mắc nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Các dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo kế hoạch riêng, ảnh hưởng đến công tác đôn đốc triển khai dự án.

- Việc thực hiện dự án phải trải qua nhiều công đoạn như: chấp thuận chủ trương đầu tư; xây dựng phương án bồi thường; triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất...; một số dự án đã có thỏa thuận địa điểm trước đây mặc dù còn thời hạn nhưng đến nay theo quy định mới phải lập lại chủ trương đầu tư cũng dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện, nhất là đối với những dự án có diện tích lớn.

- Việc dự báo nhu cầu sử dụng đất còn có những hạn chế nhất định, chưa lường hết được những khó khăn trong quá trình thực hiện dự án. Do vậy đã đề ra kế hoạch sử dụng đất nhiều, chưa thật sự sát với khả năng triển khai thực hiện dự án.

- Một số dự án sử dụng vốn đầu tư không phải của huyện nên địa phương không thể chủ động trong việc triển khai thực hiện.

- Đối với các dự án sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ không thuộc đối tượng được nhà nước thu hồi đất mà chủ đầu tư phải tự thỏa thuận, nên tiến

độ thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực này cũng phụ thuộc nhiều vào năng lực của chủ đầu tư.

- Các tổ chức, cá nhân đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất để thực hiện thủ tục chuyển mục đích, giao đất nhưng chưa thực sự quan tâm, chậm thực hiện thủ tục, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch.

- Trong những năm gần đây, quy trình thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được quan tâm, cải tiến nhưng do công việc này rất phức tạp, mất nhiều thời gian để thực hiện nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của toàn dự án.

*** Đối với các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, 2016, 2017 nhưng chưa triển khai thực hiện:**

Ngoài các nguyên nhân nêu trên, còn một số nguyên nhân khác như:

- Một số dự án chủ yếu là các Nhà văn hóa xã, ấp, trường mầm non, trường tiểu học, trạm y tế,... phục vụ nhu cầu xây dựng nông thôn mới nên khi bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp khó khăn phải điều chỉnh sang vị trí khác thuận lợi hơn để triển khai xây dựng; đến nay phải thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác liên quan (quy hoạch Nông thôn mới), dẫn đến chậm lập các thủ tục về đất đai;

- Năm 2015, 2016 là năm đầu tiên lập kế hoạch nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong thực hiện, dẫn đến đưa vào kế hoạch nhiều dự án chưa đầy đủ điều kiện để thực hiện đặc biệt là chưa bố trí được vốn đầu tư.

5. Đề xuất hướng xử lý đối với các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, 2016, 2017

Trong tổng số 229 dự án/3.360,99 ha đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2015, 2016, 2017. Trong đó đã trình UBND tỉnh hủy bỏ kế hoạch sử dụng 43 dự án/149,98 ha tại quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 và quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 28/12/2019; còn lại 186 dự án/3.211,01 ha thì:

- Có 134 dự án/824,07 ha đã thực hiện và hoàn thành các thủ tục về đất đai.

- Có 18 dự án ha đang triển khai thực hiện nhưng chưa hoàn thành các thủ tục về đất đai. Các dự án này đề nghị giữ lại và chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2020 để tiếp tục hoàn thành các thủ tục về đất đai.

- Chưa triển khai thực hiện 34 dự án/1.007,17 ha, trong đó đề xuất hủy kế hoạch 30 dự án/997,10ha (*Chi tiết có tại Biểu 06/CH kèm theo*); còn 04 dự án/10,07 ha gồm 03 dự án về đất tôn giáo, 01 dự án đấu giá quyền sử dụng đất, UBND huyện đang đôn đốc để triển khai thực hiện trong thời gian tới, do vậy đề nghị giữ lại và chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2020.

IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020

1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2020

*** Mục tiêu:**

- Phấn đấu tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao và bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của từng ngành, từng lĩnh vực hợp lý, theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ; phát triển nông lâm nghiệp theo hướng thâm canh tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả cây trồng, vật nuôi, gắn với thị trường và phát triển bền vững; đẩy mạnh liên kết, phát triển thương mại - dịch vụ nhằm phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp hiện đại, an toàn, xanh, sạch và có giá trị gia tăng cao; tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí nâng cao của tỉnh Đồng Nai.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành; ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ vào quản lý và sản xuất; đổi mới, nâng cao hơn nữa chất lượng trên các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế và văn hóa... Thực hiện mục tiêu giảm nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí... Tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; giảm tội phạm, tệ nạn xã hội và tai nạn giao thông trên địa bàn.

1.1. Chỉ tiêu về phát triển kinh tế

- Giá trị sản xuất trên địa bàn (GSS 2010) tăng bình quân 8,5 - 9% so với năm 2019.

- Giá trị sản xuất công nghiệp (GSS 2010) tăng 10 - 11% so với năm 2019.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 14 - 15% so với năm 2019.

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (GSS 2010) tăng 4 - 4,5% so với năm 2019.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 3.250 tỷ đồng.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt dự toán tính giao.

- Phấn đấu xây dựng 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí nâng cao và 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí kiểu mẫu.

1.2. Chỉ tiêu về phát triển xã hội

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,89%.

- Giải quyết việc làm cho 7.000 - 8.000 lượt lao động.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 75,5%, trong đó 60% được đào tạo nghề.
- Cơ cấu lao động: khu vực công nghiệp và xây dựng 32, 2%; khu vực thương mại dịch vụ 38,3%; khu vực nông lâm nghiệp 28,5%.
- Giữ vững 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào THCS; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học lên THPT thấp hơn 65%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào học nghề hoặc vừa học nghề, vừa học văn hóa 30%.
- Số sinh viên đại học, cao đẳng đạt 300 sinh viên/vạn dân.
- Giữ vững phổ cập các cấp học đạt 100%.
- Xây dựng 02 trường học đạt chuẩn Quốc gia.
- 99% hộ dân được công nhận gia đình văn hóa; 98,9% khu, ấp đạt chuẩn văn hóa; 100% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa.
- 84,1% dân số tham gia thường xuyên vào các hoạt động văn hóa, 42,5% tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên.
- Số giường bệnh, số bác sĩ trên 01 vạn dân tương ứng trên 22,0 và 5,6.
- 99,8% trẻ trong độ tuổi được tiêm chủng đủ các loại vắc xin.
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 05 tuổi thấp hơn 5% và dưới 2 tuổi thấp hơn 4%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi còn 19,5%.
- Tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt trên 90,7%.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo A theo chuẩn mới của tỉnh trên 0,5%/năm.
- Giữ vững tỷ lệ hộ dùng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 100%.

1.3. Chỉ tiêu về môi trường

- Giữ vững tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh đạt 100%; trong đó, tỷ lệ dân cư thị trấn Gia Ray sử dụng nước sạch đạt trên 100%; tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước sạch đạt 80%.
- Tỷ lệ che phủ cây xanh đạt trên 65%; trong đó, tỷ lệ che phủ rừng đạt 30-31%.
- Xử lý tốt vấn đề thoát nước và nước thải tại thị trấn Gia Ray, các khu, cụm công nghiệp.
- Thu gom, xử lý 100% chất thải rắn công nghiệp không nguy hại.
- Thu gom, xử lý 100% chất thải nguy hại, chất thải y tế, rác thải sinh hoạt khu vực đô thị.
- Thu gom, xử lý trên 96% rác thải sinh hoạt khu vực nông thôn.

1.4. Chỉ tiêu về an ninh - quốc phòng

- Giao quân đạt 100% chỉ tiêu tình giao, đảm bảo về chất lượng và số lượng.
- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt chỉ tiêu tình giao.
- Giữ vững ổn định an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội.
- Giảm 3-5% số vụ tội phạm hình sự (trừ tội phạm ma túy) so với năm 2019.
- Giảm 5-7% số vụ, số người chết, số người bị thương do tai nạn giao thông so với năm 2019.
- Phân đấu xử lý trên 90% tin báo, tố giác tội phạm; tỷ lệ điều tra, khám phá các loại án trên 75%; tỷ lệ điều tra các vụ trọng án đạt >95%.
- Phát hiện và xử lý tội phạm ma túy tăng 5-7%.
- Tỷ lệ cai nghiện ma túy tập trung 7,5%; tỷ lệ cai nghiện ma túy tại cộng đồng 12,5%.
- Thi hành án dân sự xong về việc trên tổng số việc có điều kiện thi hành và về tiền, giá trị trên tổng số tiền, giá trị có điều kiện thi hành; giảm số án có điều kiện thi hành chuyển kỳ sau về việc và về tiền đạt chỉ tiêu tình giao.

2. Danh mục các dự án sử dụng đất năm 2020

Trên cơ sở đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các Sở, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn, thực hiện rà soát đối chiếu với hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Xuân Lộc đã được phê duyệt, rà soát các tiêu chuẩn theo quy định của Khoản 6, Điều 67 Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, xác định danh mục kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Xuân Lộc như sau:

2.1. Số lượng dự án thực hiện trong năm 2020

Kế hoạch năm 2020, trên địa bàn huyện Xuân Lộc sẽ thực hiện 105 dự án/ 1.174,05 ha. Trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019 sang 90 dự án/1.101,89 ha
- Bổ sung mới vào kế hoạch sử dụng đất năm 2020 là 15 dự án/72,16 ha.

Bảng 03: Số lượng công trình, dự án thực hiện trong năm 2020

| Thứ tự | Chi tiêu sử dụng đất | Tổng số dự án | Tổng diện tích (ha) | Trong đó: | | | |
|----------|------------------------------------|---------------|---------------------|---|----------------|----------------|----------------|
| | | | | Công trình chuyên tiếp từ kế hoạch 2019 | | Bổ sung mới | |
| | | | | Số lượng dự án | Diện tích (ha) | Số lượng dự án | Diện tích (ha) |
| 1 | Đất nông nghiệp | 7 | 433,52 | 4 | 420,88 | 3 | 12,64 |
| 1.1 | Đất trồng cây lâu năm | 2 | 4,17 | 2 | 4,17 | - | - |
| 1.2 | Đất nông nghiệp khác | 5 | 429,35 | 2 | 416,71 | 3 | 12,64 |
| 2 | Đất phi nông nghiệp | 98 | 740,36 | 86 | 681,01 | 12 | 59,35 |
| 2.1 | Đất quốc phòng | 1 | 19,86 | - | - | 1 | 19,86 |
| 2.2 | Đất an ninh | 1 | 1,08 | 1 | 1,08 | - | - |
| 2.3 | Đất cụm công nghiệp | 1 | 16,40 | 1 | 16,40 | - | - |
| 2.4 | Đất thương mại, dịch vụ | 4 | 10,60 | 4 | 10,60 | - | - |
| 2.5 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | 2 | 0,88 | 2 | 0,88 | - | - |
| 2.6 | Đất phát triển hạ tầng | 45 | 395,09 | 37 | 387,44 | 8 | 7,65 |
| | - Đất cơ sở văn hoá | 4 | 2,44 | 4 | 2,44 | - | - |
| | - Đất cơ sở y tế | 5 | 0,50 | 1 | 0,08 | 4 | 0,42 |
| | - Đất cơ sở giáo dục và đào tạo | 12 | 5,10 | 10 | 4,10 | 2 | 1,00 |
| | - Đất cơ sở thể dục - thể thao | 2 | 0,67 | 2 | 0,67 | - | - |
| | - Đất cơ sở khoa học và công nghệ | 2 | 0,16 | 2 | 0,16 | - | - |
| | - Đất cơ sở dịch vụ xã hội | 2 | 18,38 | 2 | 18,38 | - | - |
| | - Đất giao thông | 11 | 350,83 | 9 | 344,43 | 2 | 6,40 |
| | - Đất thủy lợi | 3 | 12,76 | 3 | 12,76 | - | - |
| | - Đất công trình năng lượng | 3 | 3,78 | 3 | 3,78 | - | - |
| | - Đất chợ | 1 | 0,64 | 1 | 0,64 | - | - |
| 2.7 | Đất bãi thải, xử lý chất thải | 2 | 2,28 | 2 | 2,28 | - | - |
| 2.8 | Đất ở tại nông thôn | 8 | 12,08 | 7 | 4,93 | 1 | 7,15 |
| 2.9 | Đất ở tại đô thị | 2 | 24,69 | - | - | 2 | 24,69 |

| Thứ tự | Chỉ tiêu sử dụng đất | Tổng số dự án | Tổng diện tích (ha) | Trong đó: | | | |
|-------------|---|---------------|---------------------|---|-----------------|----------------|----------------|
| | | | | Công trình chuyển tiếp từ kế hoạch 2019 | | Bổ sung mới | |
| | | | | Số lượng dự án | Diện tích (ha) | Số lượng dự án | Diện tích (ha) |
| 2.10 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | 2 | 6,90 | 2 | 6,90 | - | - |
| 2.11 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | 2 | 0,17 | 2 | 0,17 | - | - |
| 2.12 | Đất cơ sở tôn giáo | 27 | 20,33 | 27 | 20,33 | - | - |
| 2.13 | Đất có mặt nước chuyên dùng | 1 | 230,00 | 1 | 230,00 | - | - |
| Tổng | | 105 | 1.174,05 | 90 | 1.101,89 | 15 | 72,16 |

(Danh mục các dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của toàn huyện được thể hiện trong Biểu 02/CH)

*** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Xuân Lộc cụ thể như sau:**

2.1.1. Đất trồng cây lâu năm

Năm 2020 có 02 dự án/4,17 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019 là giao đất cho hộ gia đình tại xã Bảo Hòa 0,35 ha và khu đất do Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh quản lý để thực hiện đấu giá với mục đích đất nông nghiệp (khu đất thu hồi của Công ty TNHH MTV Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa) diện tích 3,82 ha tại xã Xuân Bắc.

2.1.2. Đất nông nghiệp khác

Năm 2020 có 05 dự án/429,35 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019 gồm: 02 dự án/416,71 ha, gồm: Trang trại chăn nuôi gà thịt công nghệ cao tại xã Xuân Trường 1,53 ha; Khu liên hợp công nông nghiệp Dofico tại xã Xuân Bắc (Phân khu 3D) 415,18 ha.

- Bổ sung mới 03 dự án/12,64 ha, gồm: Trang trại chăn nuôi và Nghiên cứu Gia cầm Proconco - Xuân Lộc 4,04 ha tại xã Xuân Thọ; ViNa Gà 3,7 ha tại xã Suối Cao; Trang trại chăn nuôi vịt 4,9 ha tại xã Xuân Trường.

2.1.3. Đất quốc phòng

Năm 2020 có 01 dự án được bổ sung mới là Sở chỉ huy thời chiến 19,86 ha tại xã Xuân Thành.

2.1.4. Đất an ninh

Năm 2020 có 01 dự án được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019 là Trụ sở làm việc Đội Cảnh sát PCCC huyện Xuân Lộc 1,08 ha tại thị trấn Gia Ray.

2.1.5. Đất cụm công nghiệp

Cụm Công nghiệp Xuân Hưng 16,40 ha tại xã Xuân Hưng được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019.

2.1.6. Đất thương mại, dịch vụ

Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019: 04 dự án/10,60 ha, gồm:

Trạm Đăng kiểm 0,75 ha tại xã Xuân Hòa; Đấu giá với mục đích thương mại dịch vụ tại hồ Núi Le (thửa 73,74,75,76,77 tờ 15) 3,21 ha tại thị trấn Gia Ray; Đấu giá với mục đích thương mại dịch vụ tại thửa 102B tờ 83 tại xã Xuân Tâm diện tích 0,34 ha; 2 khu đất đấu giá 6,3 ha tại xã Xuân Tâm.

2.1.7. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Năm 2020 có 2 dự án/0,88 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019 gồm: Điểm giết mổ Suối Cát 0,05 ha tại xã Suối Cát ; Cơ sở giết mổ tập trung Xuân Tâm 0,83 ha. Tại xã Xuân Tâm.

2.1.8. Đất phát triển hạ tầng

a. Đất cơ sở văn hóa

Năm 2020 có 04 dự án/2,44 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019 gồm: Đền thờ Liệt sỹ 2,13 ha tại thị trấn Gia Ray; Nhà Văn hóa Stiêng Xuân Hòa 0,07 ha tại xã Xuân Hòa; Nhà Văn hóa Chợ ro xã Xuân Thọ 0,08 ha tại xã Xuân Thọ; Công trình hồ bơi (trong khuôn viên Nhà văn hóa xã) 0,16 ha tại xã Xuân Hòa.

b. Đất cơ sở y tế

Năm 2020 có 5 dự án/0,5 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019: 1 dự án/0,08 ha là Trạm y tế xã Lang Minh;

- Bổ sung mới 04 dự án/0,42 ha, gồm: Trạm Y tế Xuân Thọ 0,14 ha ; Trạm Y tế Xuân Hòa 0,12 ha ; Trạm Y tế Xuân Trường 0,08 ha ; Trạm Y tế Suối Cát 0,08 ha.

c. Đất cơ sở giáo dục và đào tạo

Năm 2020 có 12 dự án/5,10 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019: 10 dự án/4,10 ha, gồm:

Trường MN Suối Cao (Điểm Chà Rang) 0,2 ha ; Trường MN Suối Cao (Điểm Gia Lào) (mở rộng) 0,11 ha; Trường Mầm non Suối Cát 0,15 ha; Trường TH Bán trú 0,12 ha tại thị trấn Gia Ray; Nhà công vụ giáo viên tại Xuân Định 0,5 ha ; Trường MN Xuân Hưng (mở rộng phân hiệu áp 5) 0,05 ha ; Trường MN Xuân Hưng (mở rộng phân hiệu chính áp 4) 0,17 ha ; Trường TH Trần Hưng Đạo (mở rộng) 0,46 ha ; Trường MN Xuân Hòa 0,86 ha ; Trường MN Xuân Thành (mở rộng phân hiệu Tân Hợp) 0,4 ha.

- Bổ sung mới 02 dự án/1,00 ha, gồm: Trường Mầm Non Xuân Bắc 0,6 ha ; Trường THCS Phan Chu Trinh 0,4 ha

d. Đất cơ sở thể dục - thể thao

Năm 2020 có 02 dự án/0,67 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019 gồm: Công trình hồ bơi và sân bóng đá (trong khuôn viên Nhà thiếu nhi) 0,47 ha tại thị trấn Gia Ray; Công trình hồ bơi (trong khuôn viên Nhà văn hóa xã) 0,2 ha tại xã Xuân Phú.

e. Đất cơ sở khoa học và công nghệ

Năm 2020 có 02 dự án/0,16 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019 gồm: Giếng khoan nghiên cứu địa chất thủy văn diện tích 0,12 ha tại các xã Xuân Hưng, Xuân Tâm, Xuân Hiệp, Xuân Thành, Xuân Trường, Xuân Phú, Xuân Bắc, Suối Cao; Giếng khoan quan trắc nhiễm bẩn diện tích 0,04 ha tại xã Xuân Tâm và Xuân Hiệp.

f. Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội

Năm 2020 có 02 dự án/18,38 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019 gồm: Cơ sở điều trị ma túy tỉnh Đồng Nai diện tích 18,00 ha tại xã Suối Cao; Hội người tàn tật tương trợ vươn lên huyện Xuân Lộc diện tích 0,38 ha tại xã Xuân Thọ.

g. Đất giao thông

Năm 2020 có 11 dự án/350,83 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019: 9 dự án/344,43 ha, trong đó có một số dự án quan trọng cấp tỉnh, cấp quốc gia như: Cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết đi qua địa bàn huyện Xuân Lộc; Tỉnh lộ 765 (giai đoạn 2) địa bàn xã Lang Minh; Đường Bảo Hòa - Long Khánh (Chiến Thắng - Long Khánh); Đường Nguyễn Thị Minh Khai qua địa bàn TT. Gia Ray, xã Xuân Tâm; Đường Nguyễn Thị Minh Khai (mở rộng) qua địa bàn thị trấn Gia Ray; Đường giao thông vào khu vực ấp Bằng Lãng; Nâng cấp đường ĐT.763 đoạn Km0+000 đến Km29+500; Nút giao thông giữa đường ĐT.765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát).

- Bổ sung mới 02 dự án/6,40 ha, gồm Nút giao thông đầu nối đường Xuân Hiệp - Lang Minh với QL1 (thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình đường Xuân Hiệp-Lang Minh) tại xã Xuân Hiệp; Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú.

h. Đất thủy lợi

Năm 2020 có 03 dự án/12,76 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019 gồm: Tuyến kênh cấp 2 nội đồng Hồ Gia Măng; Hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Bắc (trạm bơm, trạm cấp nước); Hệ thống kênh mương Hồ Gia Măng tại xã Xuân Tâm.

i. Đất công trình năng lượng

Năm 2020 có 03 dự án/3,78 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019 gồm Đường dây 110kV Cẩm Mỹ - Xuân Lộc và Trạm

110Kv Cẩm Mỹ 0,33 ha; Trạm biến áp 110 kV Xuân Đông và đường dây đầu nối 2,44 ha; Trạm biến áp 110kV Xuân Tâm và đầu nối 1,01 ha.

j. Đất chợ

Năm 2020 có 01 dự án/0,64 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2018 gồm: Chợ Lang Minh; Chợ Thọ Lộc tại xã Xuân Thọ; Cho thuê đất tại Chợ Bình Hòa tại xã Xuân Phú.

2.1.9. Đất bãi thải, xử lý chất thải

Năm 2020 có 02 dự án/2,28 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019 sang gồm: Điểm trung chuyển rác tại xã Xuân Phú 0,40 ha; Khu xử lý chất thải - Công ty TNHH Cù Lao Xanh 1,88 ha tại xã Xuân Tâm.

2.1.10. Đất ở tại nông thôn

Năm 2020 có 08 dự án/12,08 ha, trong đó:

+ Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019 là 7 dự án/4,93 ha gồm: Giao đất ở cho 03 hộ gia đình ông Nguyễn Thanh Hòa, Võ Tấn Khuê, Võ Tấn Tài phục vụ bố trí đường dây điện 500KV 0,06 ha; Đấu giá với mục đích đất ở tại thửa 979 tờ 80 xã Xuân Hưng; Đấu giá với mục đích đất ở tại thửa 92 tờ 68 xã Xuân Hưng; Đấu giá với mục đích đất ở tại thửa 50 tờ 40 xã Xuân Phú; Đấu giá với mục đích đất ở tại thửa 57 tờ 38 xã Xuân Phú; Đấu giá với mục đích đất ở tại thửa 12 tờ 100 xã Xuân Tâm; Đấu giá với mục đích đất ở tại thửa 18 tờ 14 xã Xuân Thành.

+ Bổ sung 01 dự án /7,15 ha tại xã Xuân Định là Khu dân cư Chiến Thắng.

2.1.11. Đất ở tại đô thị

+ Bổ sung 02 dự án /24,69 ha gồm: Khu dân cư theo quy hoạch 15,24 ha; Khu tái định cư (phục vụ dự án đường Cao tốc Phan Thiết-Dầu Giây) 9,45 ha trên địa bàn thị trấn Gia Ray.

2.1.12. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Năm 2020 có 02 dự án/6,90 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019, là trụ sở Chi cục Thuế tại thị trấn Gia Ray và Trung tâm hành chính ấp Bằng Lăng (gồm Trường học, trụ sở ấp, sân bóng, chợ).

2.1.13. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Năm 2020 có 02 dự án/0,17 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019, gồm: Nhà quản lý hồ Núi Le tại thị trấn Gia Ray và Văn phòng ban quản lý Di tích danh thắng núi Chứa chan.

2.1.14. Đất cơ sở tôn giáo

Năm 2020 có 27 công trình, cơ sở tôn giáo diện tích 20,33 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019, gồm: Giáo xứ Xuân Bình xã Bảo Hòa; Chùa Phóng Sanh xã Lang Minh; Giáo xứ Chà Rang xã Suối Cao; Hội thánh Cao đài Tây Ninh; Trụ sở Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Xuân Lộc xã Suối Cát; Giáo xứ Xuân Bắc xã Xuân Bắc; Giáo xứ Xuân Tôn xã Xuân tôn; Chùa Quan Âm xã Xuân Định; Chi hội Hưng Xuân Tự xã Xuân Hưng; Giáo

xứ Tân Ngãi xã Xuân Tâm, giáo xứ Trảng Táo xã Xuân Thành; Giáo xứ Thọ Hòa xã Xuân Thọ; Giáo xứ Phú Xuân xã Bảo Hòa; Tịnh xá Giác Quang xã Lanh Minh; Giáo xứ Gia Lào xã Suối Cao; Tu hội Nhập Thể Tận Hiến Truyền Giáo xã Xuân Định; Giáo xứ Xuân Hiệp xã Xuân Hiệp; chùa Khánh Long xã Xuân Hòa; Chùa Đại Minh xã Xuân Hưng; Cộng đoàn Mến Thánh Giá Qui Nhơn ấp 4; Cộng đoàn Mến Thánh Giá Bà Rịa ấp 5 xã Xuân Tâm; Tịnh thất Sơn Lâm xã Xuân Thành; Chùa Kỳ Thọ; Tịnh xá Tam Quy xã Xuân Thọ; Chùa Linh Nhã; Niệm Phật đường Khánh Hạnh; Tịnh Thất Viên Quang xã Xuân T.

2.1.15. Đất có mặt nước chuyên dùng

Năm 2020 được chuyển tiếp 01 dự án /230 ha từ kế hoạch sử dụng đất năm 2019 là Hồ Gia Ui 2 tại xã Xuân Hưng, Xuân Hòa.

2.2. Kế hoạch chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2020

- Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở của hộ gia đình, cá nhân là 40,81 ha, trong đó: chuyển từ đất trồng lúa là 2 ha;

- Chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (trường hợp không phải xin phép) là: 32,14 ha;

- Chuyển từ đất trồng lúa của hộ gia đình, cá nhân sang đất trồng cây lâu năm là 15 ha;

- Chuyển từ đất rừng sản xuất của hộ gia đình, cá nhân sang trồng cây lâu năm là 4,60 ha;

- Chuyển từ đất trồng cây Lâu năm của hộ gia đình, cá nhân sang đất nuôi trồng thủy sản là 0,2 ha;

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở của hộ gia đình, cá nhân là 0,59 ha;

- Chuyển từ đất ở sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở là 0,4 ha;

2.3. Số lượng công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2020

Trong số các dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 nêu trên thì các dự án sẽ thu hồi đất theo Điều 61, Điều 62, Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 là 54 dự án/1.099,72 ha, trong đó diện tích cần thu hồi là 1.066,10 ha.

Trong đó:

- Các dự án cần thu hồi đất theo Điều 61 Luật đất đai 2013: 02 dự án với diện tích cần thu hồi là 20,94 ha;

- Các dự án cần thu hồi đất theo Khoản 1, Khoản 2, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 02 dự án với diện tích cần thu hồi 689,33 ha;

- Các dự án cần thu hồi đất theo Khoản 3, Điều 62. Luật đất đai năm 2013: 42 dự án với diện tích cần thu hồi là 351,26 ha, cụ thể:

a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp

hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương là 15 dự án với diện tích cần thu hồi là 6,38 ha;

b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải là 14 dự án với diện tích cần thu hồi là 288,98 ha;

c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 11 dự án với diện tích cần thu hồi là 17,51 ha;

d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là 03 dự án với diện tích cần thu hồi là 38,79 ha.

- Các dự án cần thu hồi đất theo Điều 65 Luật đất đai 2013: 08 dự án với diện tích cần thu hồi là 4,57 ha.

(Chi tiết Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2020 tại Biểu 03/CH).

2.4. Dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ rừng đặc dụng và các trường hợp hộ gia đình, cá nhân xin chuyển đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2020

2.4.1. Dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng

Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất năm 2020, rà soát với bản đồ địa chính xác định trên địa bàn huyện có 18 dự án/1.050,01 ha có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ. Tổng diện tích sử dụng đất trồng lúa là 89,49 ha và tổng diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ là 6,75 ha. Cụ thể:

a. Các công trình, dự án sử dụng từ 10 ha đất trồng lúa trở lên; từ 20 ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên

Có 02 dự án/689,33 ha có sử dụng đất trồng lúa và đất rừng phòng hộ. Trong đó diện tích sử dụng đất trồng lúa là 72,36 ha và diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ là 6,75 ha, bao gồm:

- Cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết diện tích 274,15 ha, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 53,04 ha; sử dụng đất trồng lúa là 6,75 ha.

- Khu liên hợp công nông nghiệp Dofico (Phân khu 3D) tại Xuân Tâm và Xuân Bắc diện tích 415,18 ha, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 19,32 ha;

b. Các công trình, dự án sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa, dưới 20 ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

Có 16 dự án/360,68 ha có sử dụng đất trồng lúa và đất rừng phòng hộ. Trong đó diện tích sử dụng đất trồng lúa là 17,134 ha, Trong đó:

- **Đất nông nghiệp khác:** Gồm 02 dự án/8,60 ha, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 4,87 ha là dự án ViNa Gà tại xã Suối Cao và Trang trại chăn nuôi vịt tại xã Xuân Trường.

- **Đất cụm công nghiệp:** Dự án Cụm Công nghiệp Xuân Hưng diện tích 16,40 ha, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 0,34 ha.

- **Đất phát triển hạ tầng:** Gồm 07 dự án/76,70 ha, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 7,71 ha. Cụ thể:

+ **Đất giao thông:** Gồm 04 dự án/61,75 ha, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 3,38 ha gồm các dự án: Đường Bảo Hòa - Long Khánh (Chiến Thắng - Long Khánh); Tỉnh lộ 765 (giai đoạn 2); Nâng cấp đường ĐT.763 đoạn Km0+000 đến Km29+500; Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương-Trần Phú.

+ **Đất thủy lợi:** Gồm 01 dự án/11,5 ha, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 2,51 ha là Tuyến kênh cấp 2 nội đồng Hồ Gia Măng.

+ **Đất công trình năng lượng:** Gồm 02 dự án/3,45 ha, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 1,82 ha, bao gồm Trạm biến áp 110 kV Xuân Đông và đường dây đầu nối và Trạm biến áp 110kV Xuân Tâm và đầu nối.

- **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** Điểm trung chuyển rác tại 0,40 ha xã Xuân Phú, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 0,16 ha.

- **Đất ở tại nông thôn:** có 01 dự án/7,15 ha, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 0,16 ha là Khu dân cư Chiến Thắng tại xã Xuân Định.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** Văn phòng ban quản lý Di tích danh thắng núi Chứa chan diện tích 0,12 ha, trong đó sử dụng đất trồng lúa 0,09 ha.

- **Đất cơ sở tôn giáo:** Giáo xứ Tân Ngãi tại xã Xuân Tâm diện tích 1,45 ha, trong đó sử dụng đất trồng lúa là 1,45 ha;

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** Dự án hồ Gia Ui 2 diện tích 230,00 ha trong đó sử dụng đất trồng lúa là 1,95 ha tại xã Xuân Hưng, Xuân Hòa.

2.4.2. Các trường hợp hộ gia đình, cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2020

- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất ở là 2 ha;

- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm là 15 ha;

(Chi tiết Danh mục các công trình, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trong năm 2020 tại Biểu 04/CH)

3. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2020

3.1. Chỉ tiêu thu hồi đất trong năm 2020

Bảng 03: Diện tích cần thu hồi đất theo từng loại đất

| STT | Chỉ tiêu sử dụng đất | Diện tích (ha) |
|-----|----------------------|----------------|
| 1 | Đất nông nghiệp | 1.025,40 |
| 1.1 | Đất trồng lúa | 79,11 |

| | | |
|----------|--|--------------|
| | <i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i> | 54,06 |
| | <i>Đất trồng lúa còn lại</i> | 25,05 |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | 388,54 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | 540,92 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | 6,75 |
| 1.5 | Đất rừng sản xuất | 1,71 |
| 1.6 | Đất nuôi trồng thủy sản | 2,30 |
| 1.7 | Đất nông nghiệp khác | 6,07 |
| 2 | Đất phi nông nghiệp | 40,70 |
| 2.1 | Đất thương mại, dịch vụ | 0,26 |
| 2.2 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | 0,96 |
| 2.3 | Đất phát triển hạ tầng | 15,44 |
| | <i>Trong đó:</i> | |
| | <i>- Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i> | 0,47 |
| | <i>- Đất cơ sở y tế</i> | 0,10 |
| | <i>- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo</i> | 1,22 |
| | <i>- Đất cơ sở thể dục - thể thao</i> | 0,86 |
| | <i>- Đất giao thông</i> | 11,52 |
| | <i>- Đất thủy lợi</i> | 1,13 |
| | <i>- Đất công trình năng lượng</i> | 0,04 |
| | <i>- Đất chợ</i> | 0,10 |
| 2.4 | Đất ở tại nông thôn | 5,37 |
| 2.5 | Đất ở tại đô thị | 0,47 |
| 2.6 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | 0,05 |
| 2.7 | Đất cơ sở tôn giáo | 0,64 |
| 2.8 | Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa | 0,08 |
| 2.9 | Đất sinh hoạt cộng đồng | 0,48 |
| 2.10 | Đất cơ sở tín ngưỡng | 0,01 |
| 2.11 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | 12,01 |
| 2.12 | Đất có mặt nước chuyên dùng | 4,93 |

(Diện tích thu hồi đất theo từng xã, thị trấn trên địa bàn huyện được thể hiện chi tiết trong Biểu 12/CH)

3.2. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích**Bảng 04: Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2020**

| Thứ tự | Mục đích sử dụng đất | Diện tích (ha) |
|----------|---|----------------|
| 1 | Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp | 685,85 |
| 1.1 | Đất trồng lúa | 67,30 |
| | <i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i> | <i>43,03</i> |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | 69,37 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | 509,48 |
| 1.4 | Đất rừng sản xuất | 21,13 |
| 1.5 | Đất nuôi trồng thủy sản | 5,75 |
| 1.6 | Đất nông nghiệp khác | 6,07 |
| 2 | Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp | 19,60 |
| | <i>Trong đó:</i> | |
| 2.1 | Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm | 15,00 |
| 2.2 | Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng | 4,60 |
| 3 | Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở | 3,44 |

(Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất theo từng xã, thị trấn trên địa bàn huyện được thể hiện chi tiết trong Biểu 13/CH)

V. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**1. Giải pháp thực hiện**

Để kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Xuân Lộc đạt hiệu quả cao, sau khi UBND tỉnh xét duyệt, cần thực hiện một số biện pháp, giải pháp sau:

- Thực hiện công bố công khai kế hoạch sử dụng đất đúng quy định và theo dõi tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất định kỳ;

- Đối với các dự án đã thực hiện ngoài đất nhưng chưa hoàn thành thủ tục giao đất sẽ tiến hành đôn đốc chủ đầu tư dự án nhanh chóng hoàn thiện thủ tục giao đất theo quy định. Đồng thời, tổ chức hướng dẫn các tổ chức, chủ đầu tư có công trình dự án sử dụng đất trong năm 2020 thực hiện các thủ tục về đất đai;

- Tập trung giải ngân nhanh các nguồn vốn từ ngân sách của huyện, tỉnh để sớm triển khai thực hiện các dự án trong năm 2020; Thực hiện rà soát, bổ sung chính sách thu hút đầu tư; kêu gọi đầu tư dưới nhiều hình thức: đầu tư trực tiếp, gián tiếp, đầu tư theo phương thức hợp tác, liên doanh;

- Thực hiện tốt công tác rà soát tiến độ dự án đầu tư công để kịp thời điều chỉnh bổ sung nguồn vốn đầu tư, tập trung giải quyết khiếu nại của người dân liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường để đẩy nhanh tiến độ dự án;

- Theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, đặc biệt là các dự án thu hồi đất. Đẩy mạnh hơn nữa thủ tục cải cách hành chính trong tất cả các lĩnh vực như cấp chủ trương đầu tư, cấp giấy phép xây dựng, quy hoạch, thỏa thuận địa điểm, thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và chuyển mục đích sử dụng đất.

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đã được UBND tỉnh ban hành, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ đối với người sử dụng đất trực tiếp sản xuất nông nghiệp có đất bị thu hồi, đặc biệt đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất sản xuất nông nghiệp bị thu hồi với diện tích lớn, phải chuyển đổi ngành nghề;

- Rà soát, xác định các dự án chủ đầu tư không thực hiện để kịp thời thông báo, đôn đốc chủ đầu tư lập thủ tục thực hiện; trường hợp chủ đầu tư không có liên hệ thực hiện dự án thì xác định dự án không thực hiện để điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất;

- Tổ chức thực hiện điều chỉnh quy hoạch của các ngành, các lĩnh vực có sử dụng đất trên địa bàn huyện phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. UBND cấp huyện

- Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn trong năm 2020 để giải ngân kinh phí đúng thời hạn để thực hiện các dự án, công trình hạ tầng, công trình phúc lợi xã hội và các công trình khác sử dụng nguồn vốn ngân sách;

- Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục về đất đai; trong đó lưu ý các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất 03 năm trở lên, các dự án đã có hiện trạng nhưng chưa hoàn thành thủ tục giao đất theo quy định;

- Chỉ đạo công bố công khai và thực hiện công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2020 theo quy định.

2.2. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Tăng cường công tác quản lý, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ.

- Hướng dẫn tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các thủ tục về đất đai; phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các thủ tục về đất đai cho các dự án có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện.

2.3. Các Ban, ngành của huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

- UBND xã tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất và niên yết bản đồ kế hoạch sử dụng đất tại trụ sở UBND xã để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã được biết;

- Bám sát chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt để tổ chức thực hiện.

VI. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Xuân Lộc được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã được rà soát kỹ lưỡng các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo tính khả thi cao. Kết quả lập kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã xác định:

1. Tổng số lượng dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2020 là 105 dự án/1.174,05 ha; trong đó có 90 dự án/1.101,89 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất từ những năm trước, 15 dự án/72,16 ha bổ sung mới, chủ yếu là các công trình phát triển hạ tầng phục vụ nhu cầu thiết yếu cho nhân dân.

2. Tổng số lượng dự án cần thu hồi đất trong năm 2020 là 54 dự án/1.099,72 ha, trong đó diện tích cần thu hồi là 1.066,10 ha. Trong đó, diện tích thu hồi đất theo Điều 61 Luật đất đai 2013: 02 dự án/20,94 ha; diện tích thu hồi theo Khoản 1, Khoản 2, Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 02 dự án/689,33 ha; diện tích thu hồi theo Khoản 3, Điều 62. Luật đất đai năm 2013: 43 dự án/351,26 ha; diện tích thu hồi theo Điều 65 Luật đất đai 2013: 08 dự án/4,57 ha.

3. Tổng số lượng dự án sử dụng vào đất trồng lúa, rừng phòng hộ là 18 dự án/1.050,10 ha. Trong đó, diện tích sử dụng đất trồng lúa là 89,49 ha và diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ là 6,75 ha.

Như vậy, nhìn chung số lượng các dự án đưa vào thực hiện trong năm 2020 là tương đối lớn, khối lượng công việc phải thực hiện là rất nhiều. Để thực hiện hoàn thành khối lượng dự án này cần phải phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực về vốn và nhân lực; đồng thời, phải có những giải pháp mang tính đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với thực tế.

2. Kiến nghị

Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện được phê duyệt là cơ sở quan trọng để huyện Xuân Lộc kịp thời triển khai thực hiện các công trình, dự án nhằm đáp ứng được yêu cầu trong việc phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện. Vì vậy, UBND huyện có một số kiến nghị như sau:

1. UBND tỉnh sớm phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 để UBND huyện có căn cứ thực hiện hiệu quả công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Chỉ đạo các Sở ngành tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách của tỉnh, các chủ đầu tư được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất để kịp thời thực hiện và xử lý nghiêm đối với những trường hợp chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng đất sai mục đích hoặc sử dụng đất không hiệu quả./.